

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2026/HS-PT

Ngày 22 - 01 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Ông Ngô Mạnh Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 389/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2025. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2025/HS-ST ngày 06/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị cáo kháng cáo:*

Đặng Hoàng X, sinh ngày 09 tháng 4 năm 1994; tại: tỉnh Hậu Giang. Nơi thường trú: ấp A1, xã A2, huyện A3, tỉnh Hậu Giang (nay là xã A3, Thành phố Cần Thơ). Nơi ở hiện tại: ấp A4, xã A5, huyện A6, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp A7, xã A5, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Mười B, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1963; Có vợ Cao Thị Cẩm V, sinh năm 1996 và bị cáo không có con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 05/4/2024 cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư Đoàn Trọng N, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị hại:

1/ Trịnh Mỹ D, sinh năm 1970. Nơi cư trú: khóm 4, thị trấn A6, huyện A6, tỉnh Trà Vinh (nay là xã A6, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt).

2/ Liêu Tuấn P, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp A8, xã Hòa Ân, huyện A6, tỉnh Trà Vinh (nay là xã A5, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt).

3/ Nguyễn Trần Quốc H1, sinh năm 1979. Nơi cư trú: số 1072/2/7, đường Lê Đức Thọ, phường 13, quận A9, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trần Văn T1, sinh năm 1984. Nơi cư trú: số 369, Nữ Dân Công, ấp 3A, xã A12, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Vĩnh Lộc Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

2/ Nguyễn Công G, sinh năm 1993. Nơi cư trú: số 16/38, Phạm Hữu Lầu, khu vực 4, phường A10, quận A13, thành phố Cần Thơ (nay là phường A13, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

3/ Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1997. Nơi cư trú: số 47/42 Thạnh Lộc 08, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là phường A11, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2015, bị cáo Đặng Hoàng X làm nghề kinh doanh mua bán xe ô tô, xe máy đã qua sử dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình kinh doanh thua lỗ, mất cân đối thu chi nên phải vay, mượn tiền nhiều người, đồng thời bị cáo X có cầm cố xe ô tô bán tải nhãn hiệu FORD RANGER biển số: 51D – 658.20 (phương tiện của bị cáo thường ngày dùng để chở xe máy) cho người bạn tên Trần Văn T1, sinh năm 1984, cư trú ấp 3A, xã A12, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đến hạn trả nợ, cũng như không đủ tiền để duy trì việc kinh doanh và cần tiền chuộc xe ô tô đã cầm cố nên bị cáo X nảy sinh ý định chiếm đoạt của người khác, bằng thủ đoạn: Tìm người cho thuê xe ô tô để thuê, sau khi nhận được xe thì bị cáo X mang đi cầm cố.

Ngày 10/12/2023, bị cáo X đã chủ động liên hệ với bị hại bà Trịnh Mỹ D, sinh năm 1970, cư trú khóm 4, thị trấn A6, huyện A6 để thuê xe (trước đó, bà D có từng cho bị cáo X thuê xe). Bị cáo X lợi dụng là chỗ quen nên đưa ra thông tin gian dối: Đi công việc ở Thành phố Hồ Chí Minh cần thuê xe tự lái trong thời

gian 01 (một) tuần. Tin tưởng là thật, bà D đồng ý cho bị cáo X thuê (không bằng hợp đồng) với giá thỏa thuận là 700.000 đồng/01 ngày. Sang ngày hôm sau 11/12/2023, bị cáo X đến nhà xe của bà D tại khóm 2, thị trấn A6 để nhận xe ô tô loại 07 chỗ ngồi, nhãn hiệu TOYOTA FOTUNER, màu xám, biển số: 84A – 028.30 cùng với giấy tờ có liên quan do người làm thuê của bà D giao.

Sau khi nhận được xe và giấy tờ, ngày 12/12/2023 bị cáo X điều khiển chở theo vợ là chị Cao Thị Cẩm V, sinh năm 1996 đến nhà trọ của hai vợ chồng tại số 365/23/11, đường Nguyễn Thị Kiều, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nhà trọ, chị Vân xuống xe, còn bị cáo X điều khiển xe đến một bãi giữ xe (chưa rõ địa chỉ cụ thể) để gặp ông Nguyễn Trần Quốc H1, sinh năm: 1979, cư trú số 1072/2/7, đường Lê Đức Thọ, phường 13, quận A9, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, bị cáo X nói với ông H xe ô tô biển số: 84A – 028.30 là của cậu vợ, do cần tiền nên bị cáo X mượn mang đi cầm cố. Ông H kiểm tra xe, giấy tờ xong thì đồng ý nhận cầm cố với giá 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đến gần cuối tháng 12/2023, bị cáo X đến gặp ông H chuộc lại xe ô tô của bà D và điều khiển đến chỗ ông Thái nhằm đổi xe đã cầm cố trước đó, lấy xe ô tô bán tải biển số: 51D – 658.20 về sử dụng. Ngày 31/12/2023, bị cáo X tiếp tục mang xe ô tô biển số: 51D – 658.20 đến cầm cố tiếp cho ông Thái được 150.000.000 đồng.

Nhằm tránh để bà D phát hiện bị cáo đã mang xe đi cầm cố cho ông H, trao đổi xe cầm cố với ông Thái, bị cáo X lấy lý do: Xe ô tô của mình hiện đang bị công an tạm giữ nên xin bà D gia hạn thời hạn thuê xe, bà D đồng ý. Đồng thời, các ngày: 02/01/2024 và 12/01/2024, bị cáo X chuyển khoản 02 lần tiền thuê xe cho bà D, mỗi một lần 10.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 29/01/2024 bị cáo X còn chuyển số tiền 50.000.000 đồng để đặt cọc mua chiếc xe của bà D khi bị hại thỏa thuận muốn bán lại xe này cho bị cáo. Tuy nhiên, thời điểm này trên thực tế bị cáo X không có đủ tiền để mua xe của bà D, bị cáo X thỏa thuận, đặt cọc mua xe nhằm để cho bà D tin tưởng không đòi lại xe và không mất chi phí thuê xe, trong thời gian này nếu có người mua lại giá cao hơn thì bị cáo X sẽ bán, lấy tiền chênh lệch. Do bị cáo X không chuyển đủ số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng theo thỏa thuận của các bên, lúc này bà D không đồng ý bán xe cho bị cáo X mà yêu cầu trả xe. Ngày 07/02/2024, bị cáo X chủ động đến gặp ông Thái hỏi mượn lại xe ô tô biển số: 84A – 028.30 để bị cáo X chạy về quê gặp, thương lượng với bà D về việc mua xe, bà D cương quyết không bán, đề nghị trả xe, bị cáo X nói dối vẫn còn bận công việc, hẹn đến ngày 14/02/2024 (nhằm mừng 5 tết) sẽ trả xe, bà D tiếp tục tin tưởng cho bị cáo thuê tiếp, đồng thời bà D nâng giá cho thuê lên 1.000.000 đồng/ngày. Sau đó, trong ngày 07/02/2024, bị cáo X điều khiển xe lên Thành phố Hồ Chí Minh cầm cố tiếp cho ông H được số tiền 150.000.000 đồng.

Khi hết thời hạn cho thuê xe, bà D nhiều lần gọi điện cho bị cáo X, yêu cầu trả xe, bị cáo X viện nhiều lý do khác nhau, cố tình không trả lại xe và hẹn tiếp đến ngày 20/3/2024 sẽ trả. Tuy nhiên, đến ngày cũng không thấy bị cáo X trả xe, bà D gọi điện thì không liên lạc được. Nhận thấy, bị cáo X có hành vi lừa đảo nên ngày 21/3/2024, bà D đến cơ quan Công an tố giác.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 14/BKL – HĐĐG ngày 27/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A6 kết luận: 01 (Một) xe ô tô loại 07 chỗ ngồi, nhãn hiệu TOYOTA FOTUNER, màu xám, biển số: 84A – 028.30, sản xuất năm 2012, mua mới năm 2017 với giá là 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng) tại thời điểm thiệt hại ngày 11/12/2023 có giá trị thành tiền là: 453.135.000đ (bốn trăm năm mươi ba triệu một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Ngoài lần thực hiện hành vi nêu trên, thì bị cáo X còn thực hiện thêm một vụ lừa đảo khác, cụ thể: Bằng thủ đoạn như trên, bị cáo X nhờ người quen anh Trần Trọng Nhân, sinh năm 1984, cư trú ấp Ngãi Nhì, xã Tam Ngải, huyện A6, tỉnh Trà Vinh giới thiệu người có ô tô cho thuê xe để bị cáo X thuê. Sau đó, ngày 14/02/2024 giữa bị cáo với bị hại ông Liêu Tuấn P, sinh năm: 1978 cư trú ấp A8, xã Hòa Ân, huyện A6 liên lạc với nhau, bị cáo X tiếp tục đưa ra thông tin gian dối: Do có công việc ở Thành phố Hồ Chí Minh nên muốn thuê xe của ông P tự lái trong thời gian 02 ngày, ông P không nghi ngờ gì nên đồng ý cho bị cáo X thuê (không bằng hợp đồng) một xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI GRAND I10, màu trắng, biển số: 84A – 086.32 với giá thỏa thuận là 800.000 đồng/01 ngày và bị hại đã giao xe, cùng giấy tờ cho bị cáo X trong ngày. Đến ngày 15/02/2024, bị cáo X điều khiển xe qua địa bàn Cần Thơ để cầm cố cho anh Nguyễn Công G, sinh năm 1993 cư trú số 16/38, Phạm Hữu Lầu, khu vực 4, phường A10, quận A13, thành phố Cần Thơ được số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tiêu xài cá nhân hết. Khi đến thời hạn, bị cáo X không trả lại xe, cùng tiền thuê xe và cắt liên lạc với ông P.

Bản kết luận định giá tài sản số: 35/BKL-HĐĐG ngày 01/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A6 kết luận: 01 (Một) xe ô tô loại 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu HUYNDAI GRAND I10, màu trắng, biển số: 84A – 086.32 tại thời điểm thiệt hại ngày 14/02/2024 có giá trị thành tiền là: 292.000.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu đồng).

* Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo X đã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại trong hai vụ trên là 745.135.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu một trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Quá trình mở rộng điều tra, ngoài 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên thì bị cáo X còn thực hiện thêm một hành vi phạm tội khác,

cụ thể: Vào khoảng thời gian giữa tháng 01/2024 (không rõ ngày cụ thể), bị cáo X gọi điện cho ông H (người nhận cầm cố xe biển số: 84A – 028.30) hỏi mượn một xe ô tô để đi đám cưới bạn ở tỉnh Bình Phước. Do là chỗ bạn bè, làm ăn chung nên ông H tin tưởng đồng ý. Ông H hẹn gặp bị cáo X tại bãi giữ xe địa chỉ số 89, đường Dương Thị Mười, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó bị cáo X đến gặp ông H. Tại đây, ông H đưa cho bị cáo X mượn một xe ô tô nhãn hiệu MG, loại MG5 1.5L LUX, màu vàng, biển số: 50E – 122.06 (xe này do anh Nguyễn Xuân H1, sinh năm: 1997 ngụ phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu nhưng do bận về quê nên đã giao lại cho ông H quản lý, sử dụng). Sau khi nhận xe từ ông H, bị cáo X chở vợ đi đám cưới, đi đám xong bị cáo X không trả lại xe cho ông H mà tiếp tục giữ lại sử dụng. Khoảng 01 tuần sau, do không có tiền tiêu xài nên bị cáo X điều khiển xe ô tô trên đến thành phố Cần Thơ tự ý cầm cố cho anh Giáo được số tiền 150.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL – HĐĐGTS ngày 20/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu MG 1.5 LUX MCMNLD13K7M, màu vàng, biển số: 50E – 122.06, số máy 15S4C5QTNB090011, số khung: MMLA36U60NG039771, mua mới năm 2023, tại thời điểm tháng 01/2024 có giá 537.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKSTV-P1 ngày 23/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh (nay là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long) đã quyết định truy tố bị cáo Đặng Hoàng X về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2025/HS-ST ngày 06/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Đặng Hoàng X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng X 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng X 10 (mười) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Đặng Hoàng X phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 24 (hai mươi bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/4/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/9/2025, bị cáo Đặng Hoàng X có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Đặng Hoàng X thừa nhận hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm quy kết, giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về hai tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” vì mức án sơ thẩm quá nặng, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình gây ra.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đặng Hoàng X 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và 10 (mười) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo Đặng Hoàng X phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 24 (hai mươi bốn) năm tù, là có căn cứ, không oan sai.

Quá trình giải quyết vụ án cho thấy, trong giai đoạn điều tra và xét xử sơ thẩm, bị cáo có thái độ quanh co, chối tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm 02 năm tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, giảm 01 năm tù đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo Đặng Hoàng X phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 21 (hai mươi một) năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, toàn bộ tài sản đã được thu hồi, không còn gây thiệt hại về hậu quả vật chất, hơn nữa tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm thêm mức hình phạt cho bị cáo so với mức đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, cũng là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo nói lời cuối cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại Liêu Tuấn P có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị hại còn lại vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng sự vắng mặt của họ không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Bản án sơ thẩm thể hiện bị cáo Đặng Hoàng X là dân tộc: Hoa. Qua phần thủ tục tại phiên tòa, bị cáo Đặng Hoàng X khai là dân tộc: Kinh; và theo hồ sơ vụ án thể hiện tại Danh bản (bút lục số 280), Lý lịch bị can (bút lục số 282), bị cáo Đặng Hoàng X là dân tộc: Kinh. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định thông tin lý lịch của bị cáo Đặng Hoàng X là dân tộc: Kinh.

[3] Do cần tiền, bị cáo Đặng Hoàng X đã nghĩ ra thủ đoạn tìm người cho thuê xe ô tô để thuê, sau khi nhận được xe thì bị cáo X mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài và trả nợ, không trả xe và trốn tránh không nghe điện thoại của các bị hại.

Ngày 10/12/2023, bị cáo đã hỏi thuê của bà Trịnh Mỹ D 01 xe ô tô loại 07 chỗ ngồi, nhãn hiệu TOYOTA FOTUNER, màu xám, biển số: 84A – 028.30 với giá 700.000 đồng/ngày. Sau khi nhận được xe và giấy tờ, ngày 12/12/2023 bị cáo đã cầm chiếc xe trên cho ông Nguyễn Trần Quốc H1 với giá 150.000.000đ rồi dùng nhiều lý do để gia hạn thuê xe. Sau đó bị cáo chuộc xe từ ông H đổi cho ông Thái lấy chiếc xe trước đó bị cáo cầm cố ở chỗ ông Thắng, dùng thủ đoạn hỏi mua xe của bà D để có thể có thêm thời gian giữ xe mà không phải trả tiền thuê xe. Sau khi bà D không nhận đủ tiền cọc không đồng ý bán xe và đòi xe thì bị cáo tiếp tục mượn xe từ chỗ ông Thắng rồi tiếp tục cầm cố cho ông H lấy 150.000.000 đồng mà không trả xe cho bà D. Chiếc xe trên của bà D trị giá 453.135.000đ.

Ngày 14/02/2024 bị cáo thuê của ông Liêu Tuấn P, một xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI GRAND I10, màu trắng, biển số: 84A – 086.32 với giá thỏa thuận là 800.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 15/02/2024, bị cáo X điều khiển xe qua địa bàn Cần Thơ để cầm cố cho anh Nguyễn Công G, sinh năm 1993 cư trú số 16/38, Phạm Hữu Lầu, khu vực 4, phường A10, quận A13, thành phố Cần Thơ

được số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tiêu xài cá nhân hết. Khi đến thời hạn, bị cáo X không trả lại xe, cùng tiền thuê xe và cắt liên lạc với ông P. Chiếc xe trên của ông P trị giá 292.000.000đ.

Ngoài ra, vào khoảng thời gian giữa tháng 01/2024 (không rõ ngày cụ thể), bị cáo X gọi điện cho ông H (người nhận cầm cố xe biển số: 84A – 028.30) hỏi mượn một xe ô tô để đi đám cưới bạn ở tỉnh Bình Phước. Do là chỗ bạn bè, làm ăn chung nên ông H tin tưởng đồng ý. Ông H cho bị cáo X mượn một xe ô tô nhãn hiệu MG, loại MG5 1.5L LUX, màu vàng, biển số: 50E – 122.06. Sau khi nhận xe từ ông H, bị cáo X chở vợ đi đám cưới, đi đám xong bị cáo X không trả lại xe cho ông H mà tiếp tục giữ lại sử dụng. Khoảng 01 tuần sau, do không có tiền tiêu xài nên bị cáo X điều khiển xe ô tô trên đến thành phố Cần Thơ tự ý cầm cố cho anh Nguyễn Công G được số tiền 150.000.000 đồng. Chiếc xe trên trị giá 537.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đặng Hoàng X đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Tại phiên toà bị cáo X đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi lượng hình Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt như:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đặng Hoàng X chiếm đoạt của các bị hại và mỗi lần chiếm đoạt tài sản đều đủ định lượng nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Đồng thời xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên đồng ý bồi thường cho bị hại nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” để xét xử bị cáo ở khung hình phạt liền kề nhẹ hơn thể hiện tính nhân đạo và sự khoan hồng của pháp luật và xử phạt bị cáo 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 10 (mười) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo là tình tiết mới đồng thời, tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi cho bị hại nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, p Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt của bị cáo, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí:

Do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo nên bị cáo Đặng Hoàng X không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1/ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Hoàng X; sửa bản án sơ thẩm.

2/ Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng X **12 (mười hai)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng X **09 (chín)** năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Đặng Hoàng X phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **21 (hai mươi một)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/4/2025.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đặng Hoàng X để đảm bảo thi hành án.

3/ Về án phí:

Bị cáo Đặng Hoàng X không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công

Ngô Mạnh Cường

Trần Thị Hòa Hiệp